

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2021/DS-PT**

Ngày: 23/4/2021

*“Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng về tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu – Bà Hà Thị Thanh Nữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Đại - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Phan Quốc Phong – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 275/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1962; Bà Lê Thị S, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Số 1791/G, ấp N 1, xã C, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trung L, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1953.

Cùng địa chỉ: ấp N 1, xã C, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

Bà T1 ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 20/4/2021) .

(Ông T, bà S, ông L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung Bản án sơ thẩm:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị S trình bày:

Vào ngày 01/10/2009 vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị P diện tích đất rẫy 9.043m² thuộc thửa 412, 413, 414 tờ

bản đồ số 02 (cũ), xã C; nay là thửa 117, tờ bản đồ số 08 xã C. Đất này đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông D, bà P.

Tại bản án dân sự số 10/2018/DS-ST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa chúng tôi với ông D bà P đối với diện tích đất 9.043m² thuộc thửa 412, 413, 414 tờ bản đồ số 02 (cũ), xã C; nay là thửa 117, tờ bản đồ số 08 xã C. Đến ngày 07/01/2019 chúng tôi đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Từ khi nhận chuyển nhượng chúng tôi đã quản lý đất và canh tác đến nay, khi nhận chuyển nhượng trên đất đã có sẵn một số cây điều được trồng khoảng từ những năm 2000.

Vào ngày 12/6/2018 ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 đã tự ý sang rẫy của gia đình tôi chặt phá 13 cây điều khoảng 15 tuổi, gây thiệt hại về tài sản cho gia đình chúng tôi, sự việc đã được Công an xã C lập biên bản. Sau khi chặt điều ông L đã lấy gỗ cây điều bán và sử dụng cho gia đình.

Chúng tôi khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 phải bồi thường phải bồi thường thiệt hại cho chúng tôi giá trị 13 cây điều là 130.000.000đ (01 cây có giá 10.000.000đ) cộng với tiền ông L, bà T1 bán gỗ cây là 13.000.000đ; tổng cộng là 143.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Trung L có trình bày giá trị 13 cây điều là 38.000.000đ; chúng tôi đồng ý với giá trị mà ông L đưa ra. Do vậy chúng tôi rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 105.000.000đ; chúng tôi chỉ còn yêu cầu ông L, bà T1 phải bồi thường cho chúng số tiền 38.000.000đ.

* Theo lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Trung L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Vào ngày 15/12/2009 vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng bằng giấy tay từ ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị P thửa đất số 778, tờ bản đồ số 02 xã C có diện tích 1.105m², đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông D, bà P. Chúng tôi đã quản lý, sử dụng đất từ đó đến nay; Hiện nay đất vẫn đứng tên ông D, bà P; chúng tôi đang làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

Vào ngày 12/6/2018 chúng tôi có cưa 13 cây điều, số cây điều này có giá trị 38.000.000đ; tuy nhiên đây là những cây điều nằm trên đất mà chúng tôi nhận chuyển nhượng từ ông D, bà P chứ không phải trên đất của ông T, bà S.

Theo bản án dân sự số 10/2018/DS-ST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q đã công nhận cho ông T, bà S được sử dụng thửa đất 412, 413, 414 nay là thửa 117, tờ bản đồ số 08 xã C có diện tích 9.043m²; còn đất chúng tôi sử dụng là thửa 778, tờ bản đồ số 02, xã C có diện tích 1.105m². Do vậy chúng tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà S.

Tại buổi hòa giải ngày 14/8/2020 ông L, bà T1 đồng ý bồi thường thiệt hại cho ông T, bà S số tiền 38.000.000đ. Tuy nhiên đến ngày 21/8/2020 thì ông L, bà T1 thay đổi ý kiến, không đồng ý bồi thường.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai quyết định:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 104, Điều 147,

Điều 157, Điều 158, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 468, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị S về việc “Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản” với ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 đối với số tiền 105.000.000đ (Một trăm lẻ năm triệu đồng), do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị S về việc “Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản” với ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1.

Buộc ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 phải bồi thường cho ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị S số tiền **38.000.000đ** (Ba mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 23/10/2020 ông L, bà T1 có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ.

Về đường lối giải quyết vụ án: cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Đề nghị cấp phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông L, bà T1 làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 01/10/2009 ông T bà S có nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị P diện tích đất rẫy 9.043m² thuộc thửa 412, 413, 414 tờ bản đồ số 02 (cũ), xã C; nay là thửa 117, tờ bản đồ số 08 xã C. Đất này đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông D, bà P. Đến ngày 07/01/2019 ông T bà S đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Từ khi nhận chuyển nhượng, ông T bà S đã quản lý đất và canh tác đến nay, khi nhận chuyển nhượng trên đất đã có sẵn một số cây điều được trồng khoảng từ những năm 2000.

Ngày 15/12/2009 ông L bà T1 cũng có nhận chuyển nhượng bằng giấy tay từ ông Nguyễn Hoàng D, bà Nguyễn Thị P thửa đất số 778, tờ bản đồ số 02 xã C có diện tích 1.105m², đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông D, bà P.

Ông L bà T1 đã quản lý, sử dụng đất từ đó đến nay; Hiện nay đất vẫn đứng tên ông D, bà P; ông L bà T1 đang làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

Vào ngày 12/6/2018, ông L bà T1 có cửa 13 cây điều trị giá 38.000.000đ; ông L bà T1 cho rằng những cây điều nằm trên thửa đất 778, tờ bản đồ số 02 xã C mà ông L bà T1 nhận chuyển nhượng từ ông D, bà P chứ không phải trên đất của ông T, bà S. Còn ông T bà S thì cho rằng ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 đã chặt phá 13 cây điều khoảng 15 tuổi, thuộc thửa 117, tờ bản đồ số 08 xã C của ông T bà S. Sự việc đã được Công an xã C lập biên bản. Sau khi chặt điều ông L đã lấy gỗ cây điều bán và sử dụng cho gia đình.

Ông T bà S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 phải bồi thường phải bồi thường thiệt hại giá trị 13 cây điều là 130.000.000đ (01 cây có giá 10.000.000đ) cộng với tiền ông L, bà T1 bán gỗ cây là 13.000.000đ; tổng cộng là 143.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T bà S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 105.000.000đ; chỉ còn yêu cầu ông L, bà T1 phải bồi thường số tiền 38.000.000đ. Ông L bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà S.

[3] Xét thửa đất 117 có diện tích 9.043m², trước đây là các thửa 412, 413, 414 tờ bản đồ số 02 xã C, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông ông T, bà S.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và kết quả đo vẽ của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thì hiện trạng 13 cây điều bị cửa nằm trên diện tích đất 750m² thuộc một phần thửa 117, tờ bản đồ số 08, xã C, huyện Q (Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 1195/2020 ngày 17/3/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Q). Như vậy có đủ cơ sở xác định 13 cây điều bị thiệt hại thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị S.

Bị đơn ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 cho rằng số 13 cây điều mà ông bà cửa nằm trong thửa đất số 778, tờ bản đồ 02, xã C có diện tích đất 1.105m² do ông bà cũng nhận chuyển nhượng từ ông D, bà P từ năm 2009. Tuy nhiên ông L, bà T1 không chứng minh được số 13 cây điều ông bà cửa là nằm trong thửa đất 778 và cũng không chứng minh được số cây điều này thuộc sở hữu của ông bà. Mặt khác, việc chuyển nhượng QSD đất giữa ông D, bà P với ông L, bà T1 chưa hoàn tất; giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất 778 vẫn đứng tên ông D, bà P. Ông L, bà T1 chưa được công nhận QSD đất đối với thửa đất 778.

Quá trình giải quyết vụ án ông L trình bày 13 cây điều đã bị chặt có giá trị khoảng 38.000.000đ và đồng ý thanh toán 38.000.000đ cho nguyên đơn như nội dung của biên bản hòa giải thành ngày 14/8/2020 nhưng đến ngày 21/8/2020 ông L lại có đơn đề nghị tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn cũng rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bồi thường giá trị 13 cây điều bị cửa là 38.000.000đ.

Từ các căn cứ trên xác định việc Ông T bà S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 phải bồi thường thiệt hại giá trị 13 cây điều là 38.000.000đ mà ông L đã chặt trên thửa 117, tờ bản đồ số 08, xã C, huyện Q của ông T bà S là đúng. Bản án sơ thẩm xét xử đã buộc ông L bà T1 phải bồi thường cho ông T bà S 38.000.000đ là chính xác vì vậy cấp phúc thẩm y án sơ thẩm.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo của ông L bà T1 nên ông L bà T1 phải chịu án phí DS phúc thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị y án sơ thẩm phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trung L và bà Nguyễn Thị T1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 104, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 468, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị S về việc “Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản” với ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 đối với số tiền 105.000.000đ (Một trăm lẻ năm triệu đồng) do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị S về việc “Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản” với ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1.

Buộc ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 phải bồi thường cho ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị S số tiền 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 1.647.000đ (Một triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đo vẽ hiện trạng tài sản tranh chấp. Do ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị S đã nộp tạm ứng chi phí này, nên buộc ông L, bà T1 phải trả lại cho ông T, bà S số tiền 1.647.000đ (Một triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 1.900.000đ (Một triệu chín trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị S số tiền 3.575.000đ (Ba triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số 0002801 ngày 25/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

Ông Nguyễn Trung L, bà Nguyễn Thị T1 mỗi người phải chịu 300.000đ án phí DSPT nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 5417, 5418 ngày 23/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, Đồng Nai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND H. Q;
- VKSND T. Đồng Nai;
- THADS H. Q;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Thanh Bình